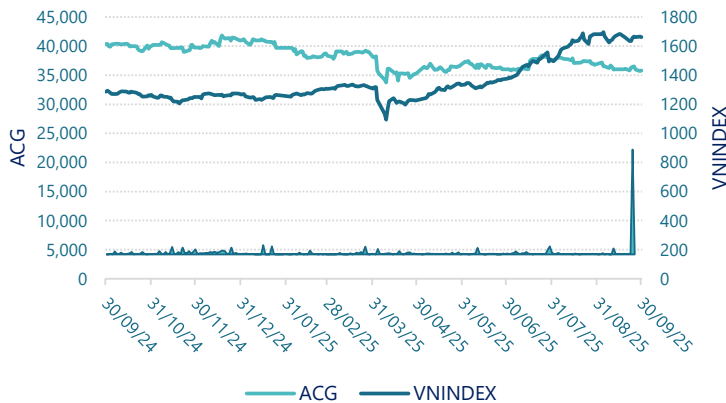




CTCP Gỗ An Cường (HSX: ACG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	35,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	41,833
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	33,741
SL cổ phiếu LH	150,787,946
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,485
% sở hữu nước ngoài	38.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,398
P/E	12.0
EPS	2,974

DT thuần

Q3/25

1,177

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 216 | 22.5%

YoY: ▲ 133 | 12.8%

LN sau thuế

Q3/25

135

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 3.00 | -2.0%

YoY: ▲ 5.00 | 4.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

15.4%

+/- YoY: ▼ 0.1%

DT thuần

9T 2025

2,941

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 176 | 6.4%

LN sau thuế

9T 2025

358

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 28.0 | 8.6%

ROE

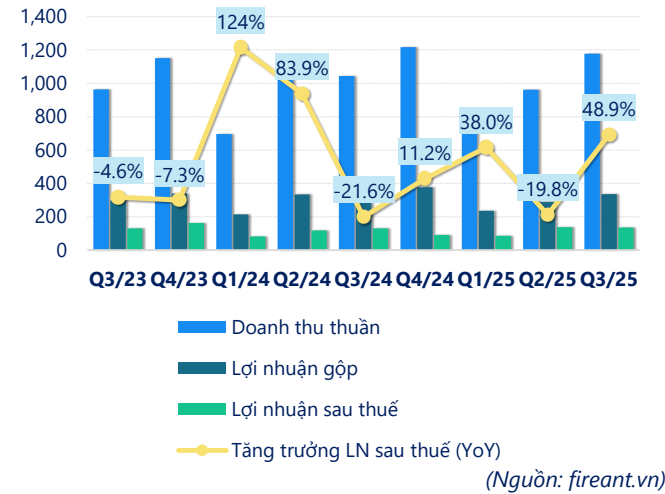
Q3/25

10.4%

+/- YoY: ▼ 1.4%

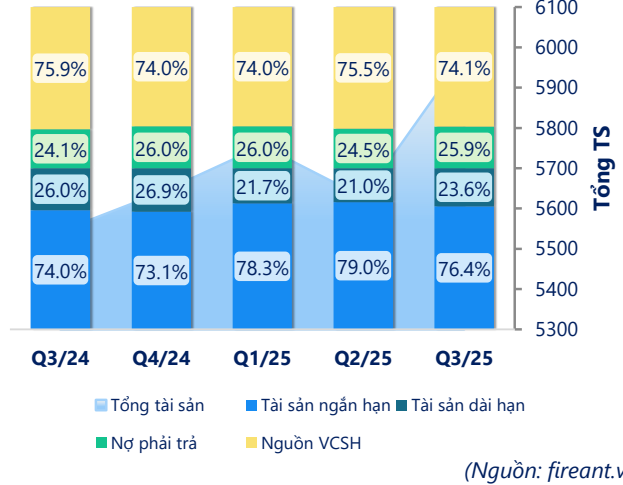
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

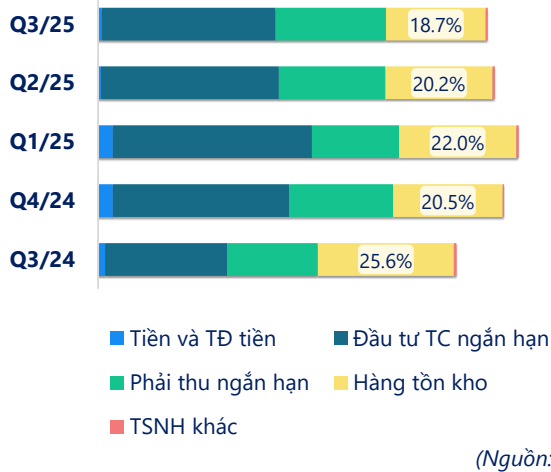


Cơ cấu Tổng tài sản

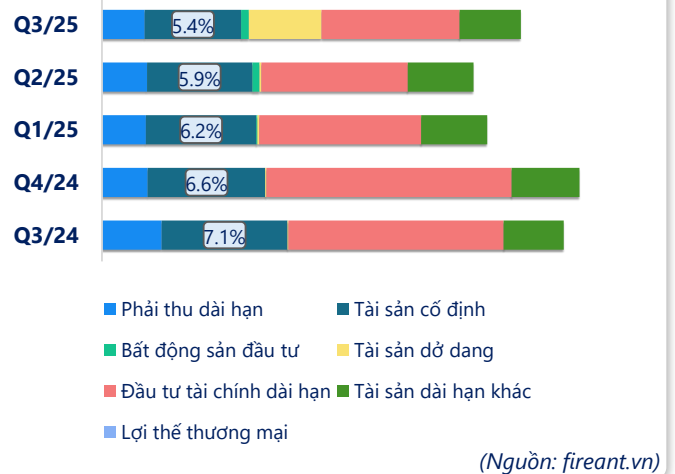
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

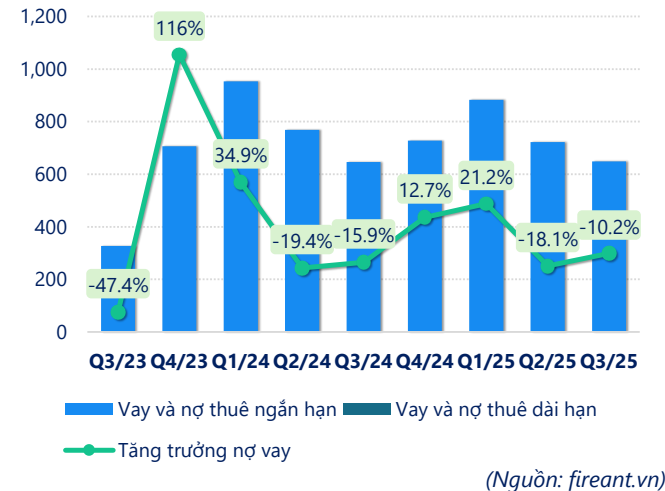


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



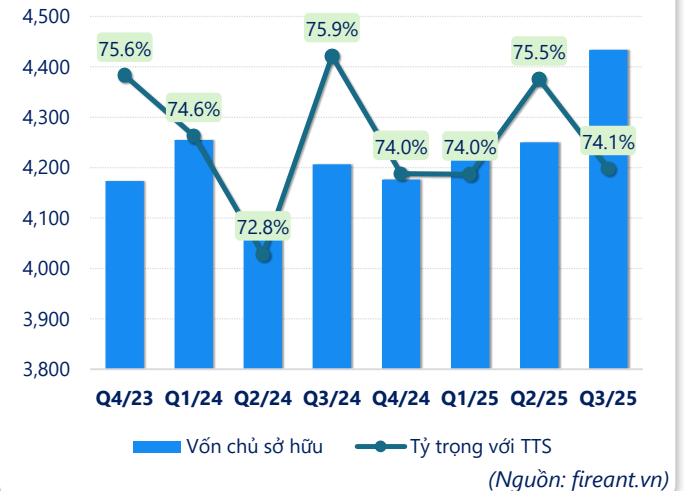
tỷ VNĐ

Nợ vay

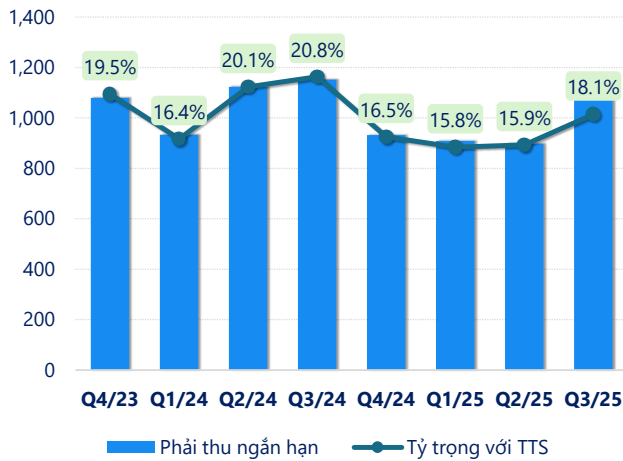


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

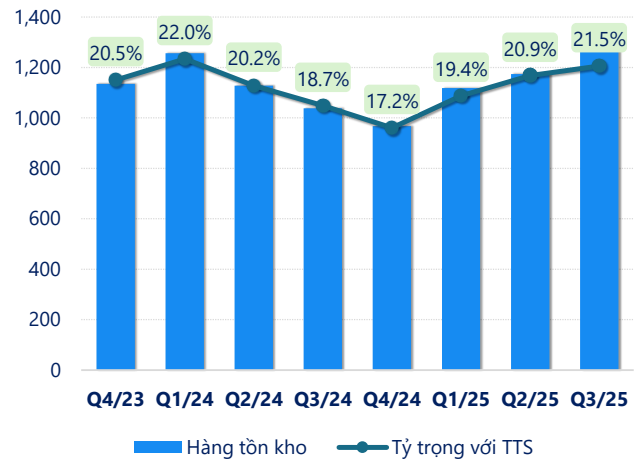


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


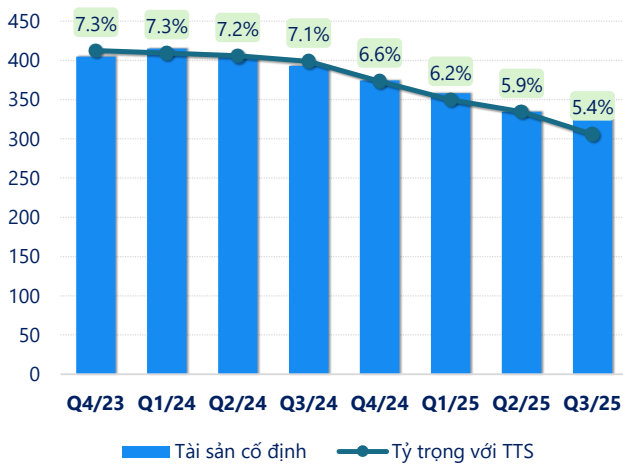
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


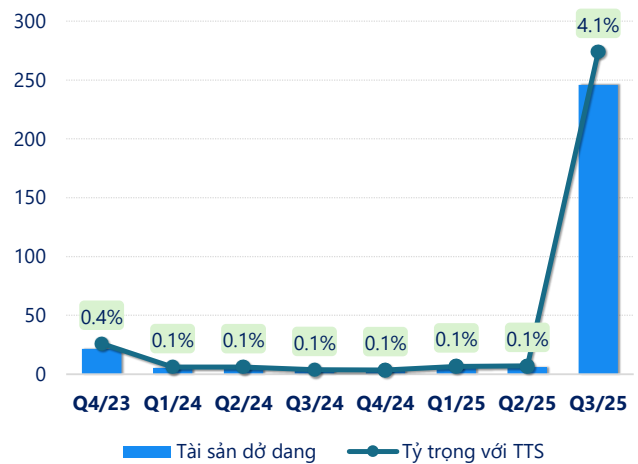
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

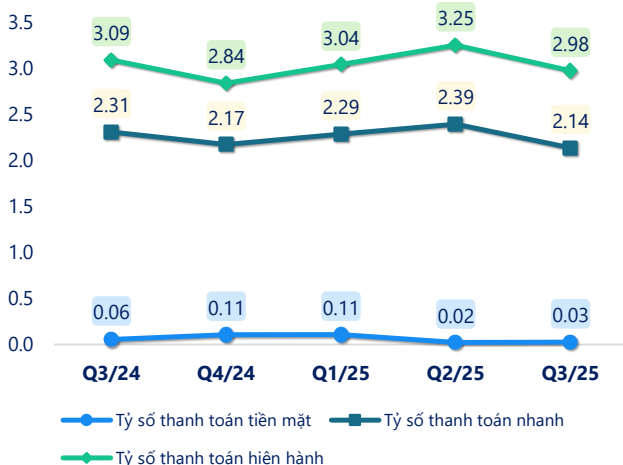
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

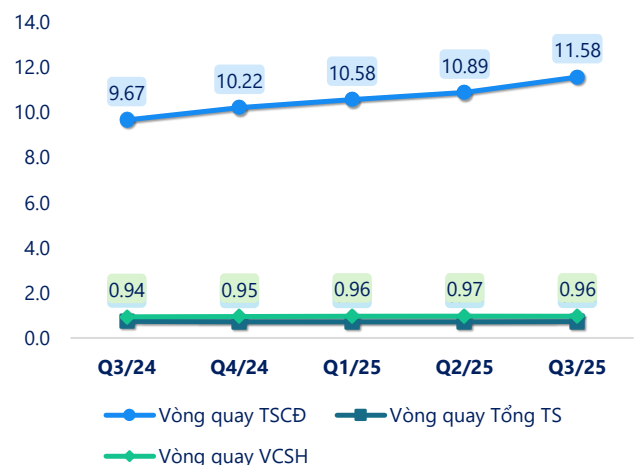
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	5,544	5,640	5,755	5,628	5,981
Tài sản ngắn hạn	4,100	4,120	4,505	4,448	4,568
Tiền và tương đương tiền	73.7	155	160	30.5	38.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,815	2,048	2,274	2,295	2,081
Phải thu ngắn hạn	1,152	932	908	897	1,083
Hàng tồn kho	1,038	968	1,119	1,173	1,288
Tài sản ngắn hạn khác	21.3	16.7	43.7	50.9	77.0
Tài sản dài hạn	1,444	1,520	1,251	1,180	1,413
Phải thu dài hạn	187	146	143	143	145
Tài sản cố định	393	374	358	335	325
Bất động sản đầu tư	0	0	4.17	22.8	25.6
Tài sản dở dang	3.14	3.05	5.83	6.08	246
Đầu tư tài chính dài hạn	673	780	525	465	466
Tài sản dài hạn khác	188	217	214	209	206
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,337	1,464	1,494	1,378	1,548
Nợ ngắn hạn	1,325	1,451	1,481	1,367	1,535
Vay và nợ thuê ngắn hạn	646	728	882	722	648
Phải trả người bán ngắn hạn	270	318	327	267	461
Nợ dài hạn	11.6	12.8	13.5	10.4	12.6
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	4,207	4,176	4,261	4,250	4,434
Vốn chủ sở hữu	4,207	4,176	4,261	4,250	4,434
Vốn điều lệ	1,508	1,508	1,508	1,508	1,508
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)